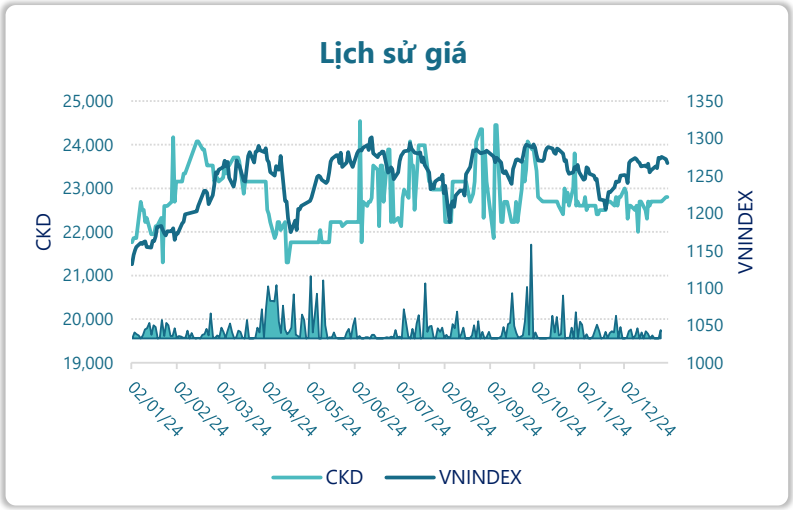
FireAnt

CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi (UPCOM: CKD)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**22,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,541
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,300
SL cổ phiếu LH	31,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,120
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	707
P/E	7.2
EPS	3,156

DT thuần

Q4/24

584

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 375| 179%

YoY: ▲ 226| 63.0%

LN sau thuế

Q4/24

13.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼67.9| -83.8%

YoY: ▲ 2.00| 17.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

9.2%

+/- YoY: ▼ 3.1%

DT thuần

2024

1,255

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 232| 22.7%

LN sau thuế

2024

97.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.10| -4.0%

ROE

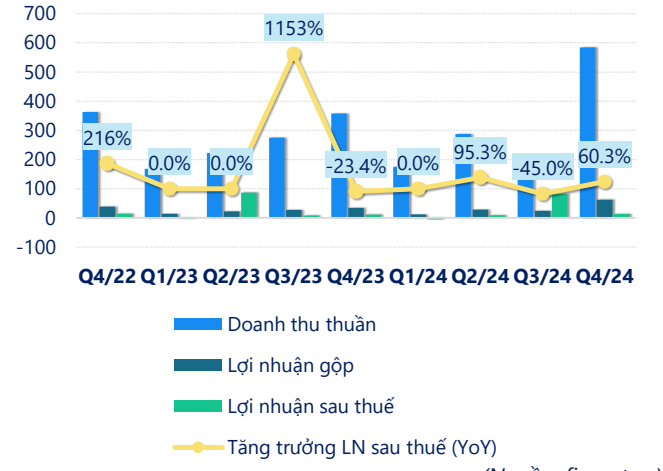
2024

18.8%

+/- YoY: ▼ 1.5%

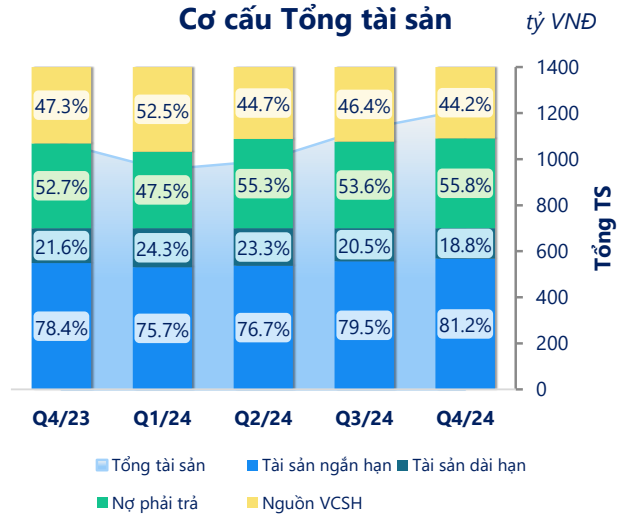
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



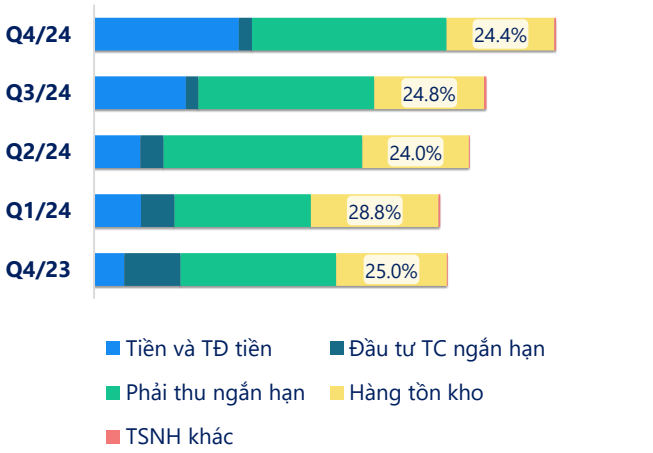
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



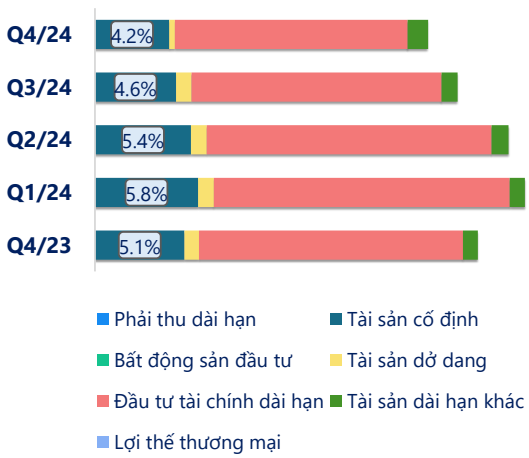
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



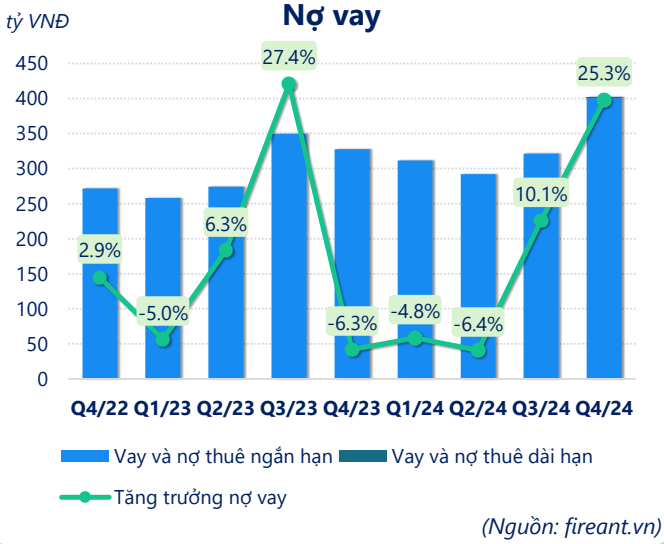
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



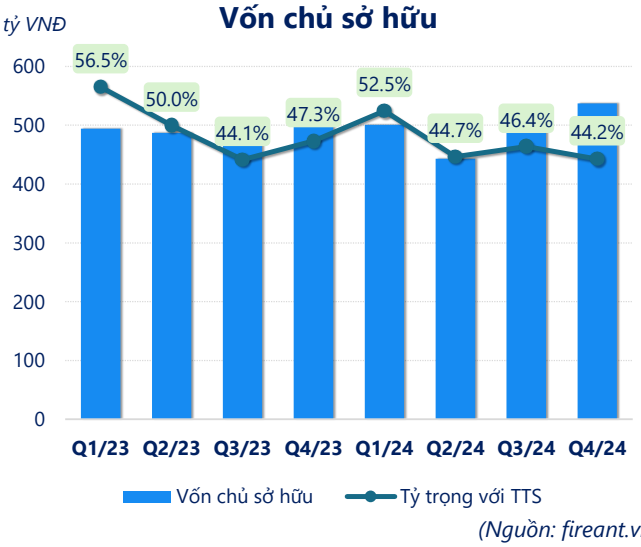
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



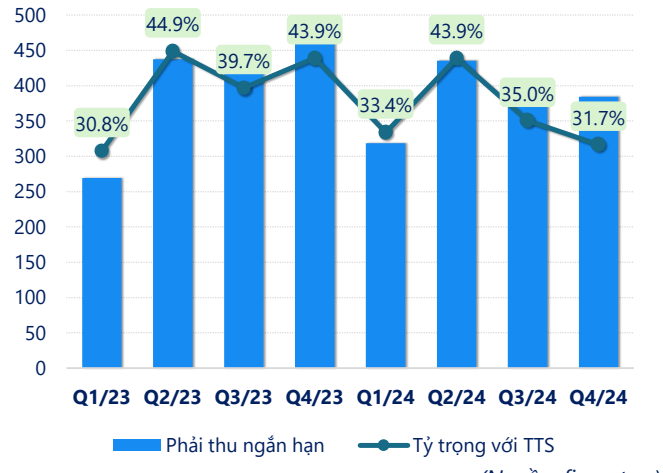
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



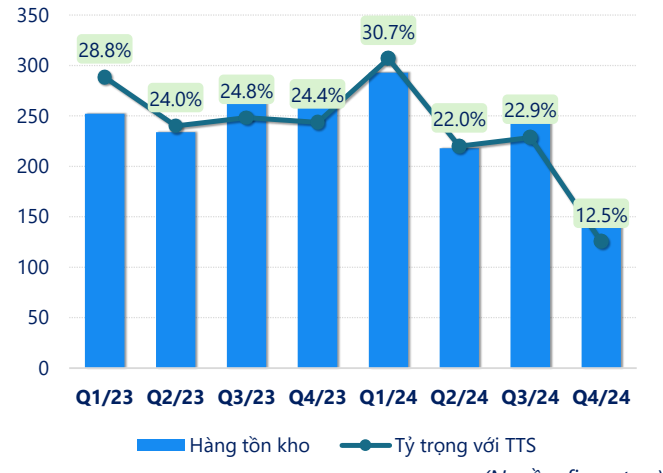
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



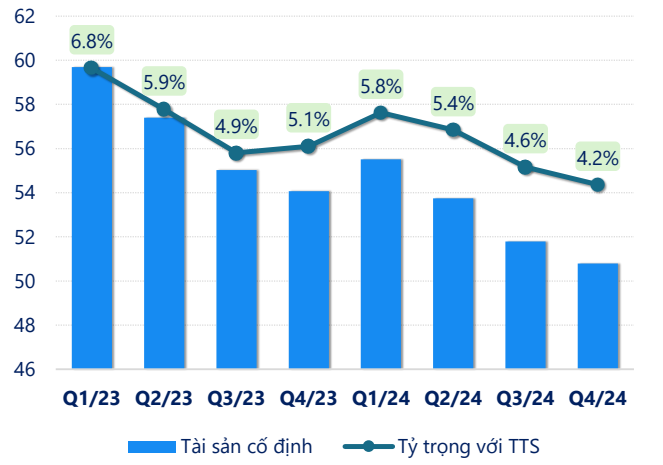
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



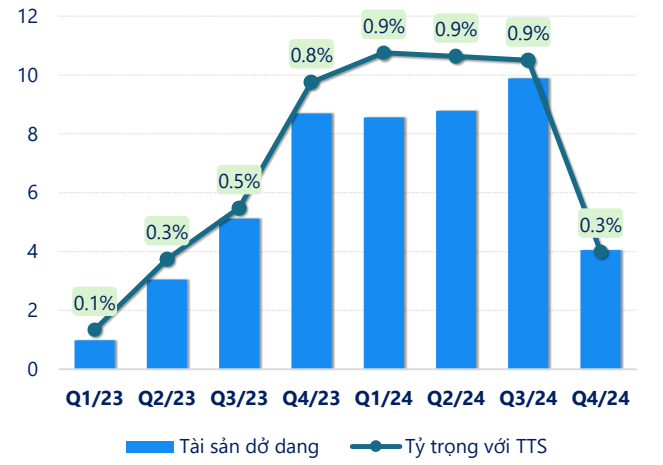
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



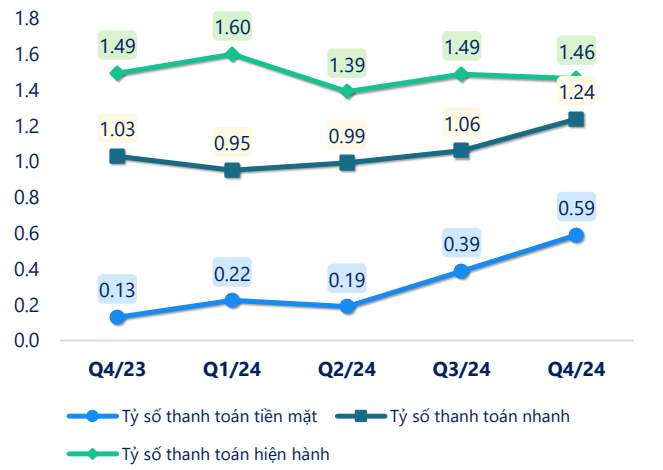
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



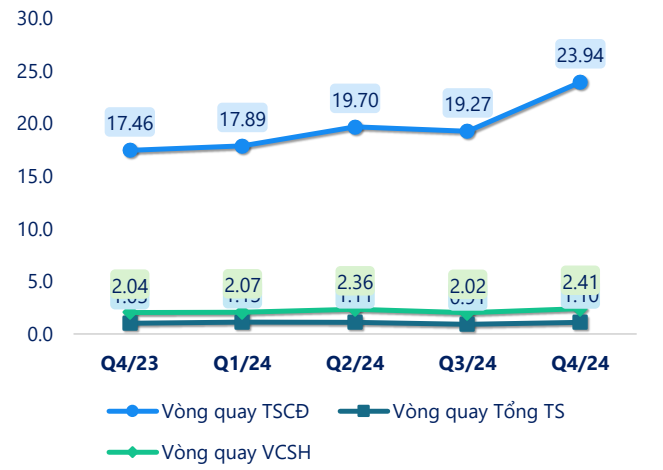
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,070**	**955**	**992**	**1,130**	**1,214**
Tài sản ngắn hạn	**839**	**723**	**760**	**899**	**986**
Tiền và tương đương tiền	72.9	101	103	234	397
Đầu tư tài chính ngắn hạn	31.3	1.30	1.30	1.30	51.3
Phải thu ngắn hạn	470	319	435	396	384
Hàng tồn kho	261	293	218	258	152
Tài sản ngắn hạn khác	4.15	9.14	1.97	8.92	1.01
Tài sản dài hạn	**231**	**232**	**231**	**231**	**228**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	54.1	55.5	53.7	51.8	50.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	8.70	8.56	8.79	9.89	4.05
Đầu tư tài chính dài hạn	159	159	159	159	159
Tài sản dài hạn khác	8.95	8.26	9.58	10.2	14.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**563**	**454**	**549**	**606**	**677**
Nợ ngắn hạn	**562**	**452**	**546**	**604**	**674**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	327	312	292	321	402
Phải trả người bán ngắn hạn	154	83.9	88.4	101	165
Nợ dài hạn	1.75	1.87	2.34	2.20	3.57
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0.88
Nguồn vốn chủ sở hữu	**506**	**501**	**443**	**524**	**537**
Vốn chủ sở hữu	**506**	**501**	**443**	**524**	**537**
Vốn điều lệ	310	310	310	310	310
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)